TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2019/HS-ST Ngày 15-5-2019	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Ông Phạm Văn Kho

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Văn N, sinh ngày 12/5/1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Phố T1, phường T, quận D, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Q, sinh năm 1973 và bà Đàm Thị H, sinh năm 1972; có vợ là Lưu Thị Lan H1, sinh năm 1997; chưa có con; tiền án: Tại bản án số 147/2017/HSST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích; tiền sự: Không, nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPHC ngày 06/02/2017 của Công an phường H, quận Đ xử phạt Đoàn Văn N 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 07/02/2017 Đoàn Văn N đã thi hành khoản tiền phạt trên (nên đã được xóa). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2018; chuyển tạm giam từ ngày 27/12/2018; có mặt.

2. Phạm Văn T, sinh ngày 08/8/1987 tại Quảng Ninh. Nơi cư trú: Số 79, Tổ 5, Khu 1, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do;

trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Lưu Thị H, sinh năm 1958; chưa có vợ con; tiền án: Tại bản án số 23/2015/HSST ngày 07/7/2015 của Tòa án nhân dân quận D xử phạt 54 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", chưa được xóa án tích; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2018; chuyển tạm giam từ ngày 27/12/2018; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Chị Phạm Hồng N, sinh năm 1983; nơi cư trú: B1, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Anh Vũ Văn K, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Ki 2, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Anh Lưu Đức T1, sinh năm 1980; nơi cư trú: N, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

4. Chị Trịnh Thị Thùy Tr, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Chị Bùi Thị Diễm H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đàm Thị H1, sinh năm 1972; nơi cư trú: T1, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Ông Lưu Hồng Th, sinh năm 1959; nơi cư trú: Q, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Đàm Thị P, sinh năm 1977; nơi cư trú: B1, phường B, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn n, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn T1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Anh Phạm Anh T2, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn K 2, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 20/10/2018, Phạm Văn T gọi điện thoại, rủ Đoàn Văn N đi trộm cắp tài sản, N đồng ý. N điều khiển xe mô tô Yamaha MX biển kiểm soát 16R2-0738 đến đón T tại khu vực đường T, quận L và chở T về khu vực thôn Đ 1, xã Đ, huyện K để trộm cắp tài sản. Đến 13 giờ 50 phút cùng ngày, cả hai tên phát hiện thấy 01 xe môtô Wave biển kiểm soát 16K2-9712 của chị Phạm Hồng N đang được dựng trước cổng nhà ông Phạm Văn H chìa khóa đang cắm ở ổ khóa điện, không có người trông coi. N điều khiển xe cách xe mô tô biển kiểm soát 16K2-9712 khoảng 10m, dừng lại, ngồi trên xe làm nhiệm vụ cảnh giới để T vào trộm cắp xe. T dắt lùi xe xuống lòng đường, rồi nổ máy điều khiển xe ra khu vực bờ hồ T, cùng N bán xe cho người đàn ông tên H được 1.200.000 đồng, cùng ăn tiêu hết.

Cùng ngày chị Phạm Hồng N đã có đơn trình báo và cung cấp 01 USB ghi hình 02 người đàn ông đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 16K2-9712 của chị dựng trước cửa nhà ông H cho Công an huyện K giải quyết. Đến ngày 21/12/2018, T và N đã đến Công an huyện K đầu thú và khai nhận tội.

Theo kết luận giám định số 02/KLGĐ ngày 15/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Hình ảnh lưu giữ trong USB ghi nhận sự việc vào hồi 12 giờ 00 phút ngày 20/10/2018, N và T có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô wave biển kiểm soát 16K2-9712 của chị Phạm Hồng N dựng trước cổng nhà ông H không bị cắt ghép, chỉnh sửa.

Tài sản của chị N bị các bị cáo chiếm đoạt là 01 xe mô tô wave biển kiểm soát 16K2-9712 trị giá 6.000.000 đồng chưa thu hồi được, nhưng được Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị 3.000.000 đồng.

Ngoài ra, tại Cơ quan điều tra, T và N đã tự thú khai nhận về các lần phạm tội như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 23/9/2018, T gọi điện thoại rủ N đi trộm cắp tài sản, N đồng ý. N đi xe mô tô Wave biển kiểm soát 15M1-01880 đến đón T và chở T về khu vực thôn K 2, xã H thì phát hiện thấy 01 xe môtô Wave biển kiểm soát 16M7- 6162 của anh Vũ Văn K đang dựng trên vỉa hè trước cửa nhà chị Bùi Thị H1, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, không có người trông coi. Nhật điều khiển xe cách xe mô tô biển kiểm soát 16M7- 6162 khoảng 10m và xuống xe giao cho T cầm lái, làm nhiệm vụ cảnh giới để N vào trộm cắp xe. N dắt lùi xe xuống lòng đường, rồi nổ máy điều khiển xe ra khu vực hồ T, cùng T bán xe cho người đàn ông tên H2 được 1.500.000 đồng cùng ăn tiêu hết.

Tài sản của anh K bị các bị cáo chiếm đoạt là 01 xe mô tô wave biển kiểm soát 16M7-6162 trị giá 6.000.000 đồng chưa thu hồi được, nhưng được Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị 5.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 06/10/2018, T gọi điện thoại rủ N đi trộm cắp tài sản, N đồng ý và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15M1-01880 đến đón và chở T về khu vực thôn X, xã T huyện K thì phát hiện thấy 01 xe môtô Yamaha Jupiter biển kiểm soát 15L1-059.99 của anh Lưu Đức Tr đang dựng trên vỉa hè trước cửa xưởng may Q, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. N điều khiển xe cách xe mô tô biển kiểm soát 15L1-059.99 khoảng 10m và ngồi trên xe cảnh giới để T vào trộm cắp xe. T vào dắt xe lùi xuống lòng đường và nổ máy điều khiển xe ra khu vực bờ hồ T cùng N bán xe cho người đàn ông tên H2 được 2.000.000 đông cùng ăn tiêu hết.

Tài sản của anh Tr bị các bị cáo chiếm đoạt là 01 xe mô tô Yamaha biển kiểm soát 15L1-059.99 trị giá 15.000.000 đồng chưa thu hồi được, nhưng được Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị 15.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 13 giờ ngày 09/10/2018, T gọi điện thoại rủ N đi trộm cắp tài sản. N đồng ý và đi xe mô tô biển kiểm soát 15M1-01880 đến đón T và chở T về thôn N, xã Đ, huyện K thì phát hiện thấy 01 ví da màu hồng để ở ngăn chứa đồ bên trái xe môtô AirBlade biển kiểm soát 15B1- 16871 của chị Bùi Thị Diễm H2 đang dựng trước cửa quán cắt tóc của chị Đỗ Thị L. N điều khiển xe cách khoảng 20m để T vào quán hỏi đường để những người trong quán mất cảnh giác; còn N điều khiển xe đến sát với xe mô tô biển kiểm soát 15B1-16871 để lấy ví tiền. Sau khi trộm cắp được ví tiền của chị H2, cả hai cùng kiểm tra bên trong ví có số tiền 1.900.000 đồng, 02 thẻ căn cước công dân mang tên Bùi Thị Diễm H2 và Bùi Hữu Đ; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 15B1-16871. N và T lấy tiền cùng nhau ăn tiêu hết; còn ví da và những giấy tờ trong ví vứt đi.

Tài sản của chị H2 bị các bị cáo chiếm đoạt là 1.900.000 đồng, 01 ví da, 02 thẻ căn cước công dân và 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 15B1-16871 chưa thu hồi được, nhưng được Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị chiếc ví da là 20.000 đồng.

Lần thứ tư: Khoảng 12 giờ ngày 13/10/2018, T gọi điện thoại rủ N đi trộm cắp tài sản. N đồng ý và đi xe mô tô biển kiểm soát 15M1-01880 đến đón T về khu vực xóm 1 T, xã M, huyện K thì phát hiện thấy 01 xe mô tô Wave biển kiểm soát 16N4-3777 của chị Trịnh Thị Thùy Tr đang được dựng trước cửa hàng vật liệu xây dựng của gia đình chị Tr, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, không có người trông coi. N điều khiển xe mô tô cách xe mô tô biển kiểm soát 16N4-3777 khoảng 10m và ngồi trên xe cảnh giới để T vào trộm cắp xe. T vào dắt xe lùi xuống lòng đường và nổ máy điều khiển xe ra khu vực hồ T, cùng N bán xe cho người đàn ông tên H3 được 1.000.000 đồng cùng ăn tiêu hết.

Tài sản của chị Tr bị các bị cáo chiếm đoạt là 01 xe mô tô wave biển kiểm soát 16N4-3777 trị giá 6.000.000 đồng chưa thu hồi được, nhưng được Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị 5.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô wave biển kiểm soát 15M1-01880 thuộc quyền sở hữu của bà Đàm Thị H, 01 xe mô tô Jupiter MX biển kiểm soát 16R2-0738 thuộc quyền sở hữu của ông Lưu Hồng Th; 01 giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Đoàn Văn N; các giấy chứng nhận đăng ký: xe mô tô biển kiểm soát 16R2-0738; xe mô tô biển kiểm soát 15M1-01880, xe mô tô biển kiểm soát 16N4-3777; xe mô tô biển kiểm soát 15L1-059.99 và giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe mô tô biển kiểm soát 15L1-059.99, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện K để giải quyết theo vụ án. Còn 02 chiếc điện thoại của hai bị cáo đã vứt đi, không thu giữ được.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS-KT ngày 09/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Phạm Văn T và Đoàn Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận tội:

- Phạm Văn T khai: Do quen biết Đoàn Văn N, T đã 05 lần gọi điện thoại rủ N đi trộm cắp tài sản. N đều đồng ý và đi xe mô tô đến đón và chở T đến các khu vực huyện K để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau: Khoảng 15 giờ ngày 23/9/2018, T và N đã trộm cắp 01 xe mô tô wave BKS 16M7-6162 của anh Vũ Văn K đang dựng trên vỉa hè trước cửa nhà chị Bùi Thị H ở thôn K 2, xã H, huyện K rồi bán cho người đàn ông tên H3 ở bờ hồ T được 1.500.000 đồng, cùng nhau ăn tiêu hết. Khoảng 13 giờ ngày 06/10/2018, T và N đã trộm cắp 01 xe mô tô Yamaha biển kiểm soát 15L1-059.99 của anh Lưu Đức TR đang dựng trên vỉa hè trước xưởng may Q ở thôn X, xã T, huyện K rồi bán cho người đàn ông tên H3 ở bờ hồ T được 2.000.000 đồng, cùng ăn tiêu hết. Khoảng 15 giờ 55 phút, ngày 09/10/2018, T và N đã trộm cắp 01 ví da màu hồng (bên trong có 1.900.000 đồng, 02 thẻ căn cước công dân mang tên Bùi Thị Diễm H và Bùi Hữu Đ; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 15B1-16871) của chị Bùi Thị Diễm H để ở ngăn chứa đồ bên trái xe mô tô biển kiểm soát 15B1-16871 đang dựng trước quán cắt tóc của chị Đỗ Thị L ở thôn N, xã Đ, huyện K. T và N lấy tiền ăn tiêu hết, còn ví da và những giấy tờ trong ví vứt đi. Khoảng 13 giờ 05 phút ngày 13/10/2018, T và N đã trộm cắp 01 xe mô tô wave biển kiểm soát 16N4-3777 của chị Trịnh Thị Thùy Tr đang dựng trước cửa hàng bán vật liệu xây dựng của gia đình chị Tr ở thôn T, xã M, huyện K rồi bán cho người đàn ông tên H3 ở bồ hồ T được 1.000.000 đồng, cùng ăn tiêu hết. Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 20/10/2018, T và N đã trộm cắp 01 xe mô tô

wave biển kiểm soát 16K2-9712 của chị Phạm Hồng N đang dựng trước cổng nhà ông Phạm Văn H ở thôn Đ 1, xã Đ, huyện K rồi bán cho người đàn ông tên H3 ở bồ hồ T được 1.200.000 đồng, cùng ăn tiêu hết.

Đến ngày 21/12/2018, T đến Công an huyện K đầu thú và bị bắt giữ.

- Đoàn Văn N khai nhận thống nhất với lời khai của T, do quen biết T nên 05 lần được T gọi điện thoại rủ đi trộm cắp tài sản bán lấy tiên chi tiêu cá nhân thì N đều đồng ý. N đã mượn xe mô tô của bà Đàm Thị H (mẹ đẻ) và ông Lưu Hồng Th (bố vợ) đến đón và chở T đến các khu vực của huyện K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 05 lần, đúng như lời khai nhận của T. Sau khi trộm cắp được tài sản, N và T đều cùng nhau đi tiêu thụ, cùng nhau ăn tiêu hết.

Đến ngày 21/12/2018, N ra đầu thú và bị bắt giữ.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, chị Phạm Hồng N khai: Ngày 18/10/2018 chị mượn xe mô tô Wave BKS 16K2-9712 của cô họ là bà Phạm Thị P, sinh năm 1977, cư trú tại B1, B, Đ để đi làm. Ngày 20/10/2018 chị điều khiển xe sang nhà chú ruột là ông Phạm Văn H ở Đ 1, Đ chơi. Đến nơi chị đi vào nhà, còn xe mô tô dựng trước cổng nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ điện, khoảng 05 phút sau chị phát hiện xe đã bị mất trộm, nên chị sang nhà hàng xóm là chị Vũ Thị B nhờ xem lại camera quay sân nhà ông H thì thấy 02 người thanh niên không quen biết lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 16K2-9712. Cùng ngày chị đã có đơn trình báo công an huyện K giải quyết và cung cấp cho công an huyện USB ghi hình việc 02 thanh niên trộm cắp xe mô tô của chị. Xe mô tô biển kiểm soát 16K2-9712 đã bị N và T bán đi không thu hồi được, nay chị yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 7.000.000 đồng và đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, anh Vũ Văn K khai: Khoảng 15 giờ ngày 23/9/2018 anh đi xe môtô Wave biển kiểm soát 16M7- 6162 đến nhà chị Bùi Thị H ở thôn K2, H để làm cỗ tết trung thu, anh dựng xe trên vỉa hè trước cửa của gia đình chị H, chìa khóa vẫn cắm sẵn ở ổ điện, không có người trông coi. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày anh phát hiện xe mô tô bị mất, anh đã làm đơn trình báo công an huyện K giải quyết. Xe mô tô biển kiểm soát biển kiểm soát 16M7- 6162 đã bị N và T bán đi không thu hồi được, nay anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 6.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, anh Lưu Đức Tr khai: Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 06/10/2018 anh đi xe mô tô biển kiểm soát 15L1-059.99 đến xưởng may Q ở X, T để sửa chữa máy. Anh dựng xe trên vỉa hè trước cửa xưởng may, chìa khóa vẫn cắm sẵn ở ổ điện, không có người trông coi. Đến khoảng 13 giờ 50 phút anh đi ra cửa thì phát hiện xe mô tô bị mất, anh đã làm đơn trình báo Công an huyện K giải quyết và giao nộp giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận bảo

hiểm bắt buộc của xe mô tô biển kiểm soát 15L1-059.99. Xe mô tô biển kiểm soát 15L1-059.99 đã bị N và T bán đi không thu hồi được, nay anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng và đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, chị Bùi Thị Diễm H khai: Khoảng 14 giờ ngày 09/10/2018 chị đến quán SaLon TiGi của chị Đỗ Thị L ở N, Đ để làm tóc, khi vào quán chị để 01 ví da màu hồng (bên trong có 1.900.000đồng, 02 thẻ căn cước công dân mang tên Bùi Thị Diễm H và Bùi Hữu Đ là chồng của chị; 01 đăng ký xe mô tô BKS 15B1-16871) ở ngăn chứa đồ bên trái xe môtô AirBlade biển kiểm soát 15B1- 16871. Khoảng 15 giờ 55 phút cùng ngày, chị thấy có người thành niên không quen biết vào quán hỏi về *"anh D sinh năm 1984 mới đi trại về",* nhưng mọi người đều trả lời không biết. Một lúc sau chị phát hiện bị mất chiếc ví trên. Số tiền 1.900.000 các bị cáo đã ăn tiêu hết, toàn bộ giấy tờ trong ví đã bị mất, nay chị yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đồng và đề nghị Tòa án xét xử các bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, chị Trịnh Thị Thùy Tr khai: Khoảng 13 giờ ngày 13/10/2018, sau khi đi làm về chị để xe mô tô biển kiểm soát 16N4-3777 ở trong lán cửa hàng vật liệu xây dựng của gia đình tại T, M. Chị để quên chìa khóa cắm sẵn ở ổ điện, không có người trông coi. Khoảng 13 giờ 05 phút cùng ngày chị phát hiện xe mô tô đã bị mất trộm. Cùng ngày chị đã có đơn trình báo Công an huyện K giải quyết. Ngày 14/10/2018 chị giao nộp giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 16N4-3777 cho Cơ quan điều tra. Xe mô tô biển kiểm soát 16N4-3777 đã bị N và T bán đi không thu hồi được, nay chị yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 6.000.000 đồng và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bà Đàm Thị H khai: Bà là mẹ đẻ bị cáo N, và là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 15M1-01880, thỉnh thoảng bà cho bị cáo mượn để đi làm, bà không biết việc bị cáo sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Nay bà xin lại xe mô tô biển kiểm soát 15M1-01880 để làm phương tiện đi lại và không yêu đề nghị gì đối với bị cáo N.

Tại cơ quan điều tra, ông Lưu Hồng Th khai: Ông là bố vợ bị cáo N, và là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 16R2-0738. Ngày 20/10/2018 ông cho bị cáo mượn xe để đi làm, ông không biết việc bị cáo sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Nay ông xin lại xe mô tô biển kiểm soát 16R2-0738 để làm phương tiện đi lại và không yêu cầu gì đối với bị cáo N.

Tại cơ quan điều tra bà Phạm Thị P khai: Bà là cô họ chị Phạm Hồng N, và là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 16K2-9712. Ngày 18/10/2018 bà cho chị N mượn xe để đi làm. Ngày 20/10/2018, bà được chị N thông báo xe mô tô đã bị mất trộm. Nay mô tô biển kiểm soát 16K2-9712 đã bị N và T bán đi không thu hồi

được. Bà yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu của chị N. Còn trách nhiệm giữa bà và chị N do 2 bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản Cáo trạng và bổ sung thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" đối với 02 bị cáo theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Phạm Văn T mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Đoàn Văn N mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập kinh tế không ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Nay các bị hại đều yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản với tổng số tiền là 36.500.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo đều chấp nhận bồi thường số tiền trên cho các bị hại, cần chấp nhận. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại (mỗi bị cáo phải bồi thường ½ số tiền cho từng bị hại) cụ thể như sau: Chị Phạm Hồng N số tiền 7.000.000 đồng; chị Bùi Thị Diễm H số tiền 2.500.000 đồng; chị Trịnh Thị Thùy Tr số tiền 6.000.000 đồng; anh Lưu Đức Tr số tiền 15.000.000 đồng; anh Vũ Văn K số tiền 6.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại bà Đàm Thị H 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 xe mô tô biển kiểm soát 15M1-01880; Trả lại ông Lưu Hồng Th 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 xe mô tô biển kiểm soát 16R2-0738; Trả lại chị Trịnh Thị Thùy Tr giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 16N4-3777; Trả lại anh Lưu Đức Tr giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của mô

tô biển kiểm soát 15L1-059.99; Trả lại bị cáo Đoàn Văn N giấy chứng minh nhân dân, Giấy phép lái xe ô tô mang tên Đoàn Văn N.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận định giá tài sản, biên bản thu giữ vật chứng, sơ đồ hiện trường, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 15 giờ ngày 23/9/2018, Đoàn Văn N và Phạm Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe môtô Wave biển kiểm soát 16M7- 6162 của anh Vũ Văn K trị giá 5.000.000 đồng. Khoảng 13 giờ ngày 06/10/2018, N và T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô Yamaha Jupiter biển kiểm soát 15L1-059.99 của anh Lưu Đức Tr trị giá 15.000.000 đồng. Khoảng 15 giờ 55 phút ngày 09/10/2018, N và T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 ví da màu hồng của chị Bùi Thị Diễm H trị giá 20.000 đồng, bên trong ví có 1.900.000 đồng, 02 thẻ căn cước công dân mang tên Bùi Thị Diễm H và Bùi Hữu Đ là chồng của chị H; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 15B1-16871. Khoảng 13 giờ 05 ngày 13/10/2018, N và T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô Wave biển kiểm soát 16N4-3777 của chị Trịnh Thị Thùy Tr trị giá 5.000.000 đồng. Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 20/10/2018, N và T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe môtô Wave biển kiểm soát 16K2-9712 của chị Phạm Hồng Nguyên trị giá 3.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo Đoàn Văn N và Phạm Văn T đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của công dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo trong vụ án:

- Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng, 05 lần gọi điện thoại rủ N đi trộm cắp tài sản và 03 lần trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo N. Bị cáo có 01 tiền án tại Bản án số 23/2015/HSST ngày 07/7/2015 của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xử phạt 54 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" chưa được xóa án tích, lần này phạm tội được xác định là "Tái phạm". Bị cáo đã cùng bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, đầu thú về hành vi phạm tội ngày 20/10/2018; tự thú về 04 lần thực hiện hành vi phạm tội (Ngày 23/9/2018; ngày 06/10/2018; ngày 09/10/2018 và ngày 13/10/2018). Có 02 bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo N tham gia giúp sức tích cực, dùng xe mô tô đón chở T đi trộm cắp tài sản 05 lần và 02 lần trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cùng T đi tiêu thụ tại sản và cùng ăn tiêu chung. Bị cáo có 01 tiền án tại Bản án số 147/2017/HSST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích, lần này phạm tội được xác định là "Tái phạm". Bị cáo đã cùng bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, bị Công an phường H, quận Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPHC ngày 06/02/2017 đối với bị cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, đầu thú về hành vi phạm tội ngày 20/10/2018; tự thú về 04 lần thực hiện hành vi phạm tội (Ngày 23/9/2018; ngày 06/10/2018; ngày 09/10/2018 và ngày 13/10/2018). Có 02 bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Nay các bị hại đều yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản: Chị Phạm Hồng N yêu cầu bồi thường 7.000.000 đồng. Anh Vũ Văn K yêu cầu bồi thường 6.000.000 đồng. Anh Lưu Đức Tr yêu cầu bồi thường 15.000.000 đồng. Chị Trịnh Thị Thùy Tr yêu cầu bồi thường 6.000.000 đồng. Chị Bùi Thị Diễm H yêu cầu bồi thường 2.500.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo N và T đều chấp nhận đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của những bị hại. Xét thỏa thuận giữa các bị cáo với những bị hại là tự nguyện, phù hợp với pháp luật cần chấp nhận. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho những người bị hại cụ thể mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường ½ số tiền cho từng bị hại.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập kinh tế ổn định, không có tài sản riêng, tại phiên tòa Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có cơ sở chấp nhận, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 xe mô tô biển kiểm soát 15M1-01880 của bà Đàm Thị H; giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 xe mô tô biển kiểm soát 16R2-0738 của ông Lưu Hồng Th; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 16N4-3777 của chị Trịnh Thị Thùy Tr; giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe mô tô biển kiểm soát 15L1-059.99 của anh Lưu Đức Tr; giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của bị cáo Đoàn Văn N; Cần trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp và bị cáo N.

[8] Trong vụ án này, bà Đàm Thị H và ông Lưu Hồng Th cho bị cáo Nhật mượn xe mô tô biển kiểm soát 15M1-01880 và xe mô tô biển kiểm soát 16R2-0738 để sử dụng nhưng không biết N dùng xe để đi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xử lý.

Đối tượng tên H3 là người đã mua 04 chiếc xe mô tô do các bị cáo N, T trộm cắp được, Cơ quan điều tra chưa xác định được đầy đủ tên, tuổi, địa chỉ được nên quyết định tách ra để điều tra, xử lý sau là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt:

+ Phạm Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 24/12/2018

+ Đoàn Văn N 30 (ba mươi) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 24/12/2018.

- Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường tổng số tiền 36.500.000 đồng cho các bị hại theo phần bằng nhau (mỗi bị cáo là ½ số tiền bồi thường cho từng bị hại) cụ thể: Bồi thường cho chị Phạm Hồng N số tiền 7.000.000 đồng; anh Vũ Văn K số tiền 6.000.000 đồng; anh Lưu Đức Tr số tiền 15.000.000 đồng; chị Trịnh Thị Thùy Tr số tiền 6.000.000 đồng; chị Bùi Thị Diễm H số tiền 2.500.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; trả lại bà Đàm Thị H 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 xe mô tô biển kiểm soát 15M1-01880; trả lại ông Lưu Hồng Th 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 xe mô tô biển kiểm soát 16R2-0738; trả lại chị Trịnh Thị Thùy Tr 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 16N4-3777; trả lại anh Lưu Đức Tr 01 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của mô tô biển kiểm soát 15L1-059.99; trả lại bị cáo Đoàn Văn N 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Đoàn Văn N (Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 09/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của các bị hại cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường thiệt hại thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các bị cáo Đoàn Văn N, Phạm Văn T: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 912.500đ (chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo Đoàn Văn N, Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại Phạm Hồng N, Vũ Văn K, Lưu Đức Tr có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại Trịnh Thị Thùy Tr, Bùi Thị Diễm H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đàm Thị H có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Hồng Th, Phạm Thị P có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K + PV 06;
- Trại giam HP;
- THA phạt tù + PC 10;
- Chi cục THADS + Sở tư pháp;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thanh Huyền